TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Mạnh Linh và bà Đặng Thị Hồng Duyên

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31-7-2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 08-07-2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2025/TB-XX ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Ả, sinh năm 1969, thẻ CCCD số 015169001513 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021. Địa chỉ: Tổ E, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai). Bà Ả có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1948, thẻ CCCD số 015148000135 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/04/2021. Địa chỉ: Ngõ E, ngách B, đường P, tổ B phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai) và ông Hà Đình H1, sinh năm 1948 (đã chết). Bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn - ông H1 (đã chết) gồm có:

+ Chị Hà Thị Tố U, sinh năm 1970, thẻ CCCD số 015170000631 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/04/2021 và anh Hà Huy H2, sinh năm 1979, thẻ CCCD số 015079000848 do Cục cảnh sát quản lý hành chính

về trật tự xã hội cấp ngày 13/04/2021. Cùng trú tại: Ngõ E, ngách B, đường P, tổ B phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai). Anh H2 có mặt, chị U vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Hà Thị H3, sinh năm 1974, thẻ CCCD số 015174000765 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021. Nơi ĐKTT: Tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai). Chỗ ở: Số nhà D, ngõ A, đường N, khu tái định cư, T, huyện G, thành phố Hà Nội. Chị H3 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Hà Thị Thu H4, sinh năm 1977, thẻ CCCD số 015177006121 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. ĐKTT: Tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B phường V, tỉnh Lào Cai). Chỗ ở: Ngõ B, Đ, Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Chị H4 vắng mặt không có lý do.

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1948. Địa chỉ: Ngõ E, ngách B, đường P, tổ B phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai).

(Bà H tham gia tố tụng với hai tư cách vừa là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hà Đình H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-10-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ả trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên ngày 14-10-2022, bà Ả có cho vợ chồng ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng N hiện hành, thời hạn vay là 05 tháng (kể từ ngày 14-10-2022 đến ngày 14-3-2023). Việc vay tiền được lập thành hợp đồng vay tiền (có công chứng) tại Văn phòng C, địa chỉ: Số G, đường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Bà Ả đã giao đủ số tiền trên cho ông H1, bà H (số tiền này được giao cho con trai ông bà là anh Hà Huy H2, anh H2 nhận thay và có viết giấy nhận tiền).

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông H1, bà H đã thế chấp cho bà Ảnh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AN090262 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 03-10-2018 đứng tên bà H, ông H1.

Thực hiện hợp đồng vay tiền nêu trên, tính đến ngày 26/3/2024, bà H mới trả cho bà Ả được số tiền là gốc là 107.000.000 đồng và 35.000.000 đồng tiền lãi, tại phiên tòa bà Ả yêu cầu bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 93.000.000 đồng, bà Ảnh bổ sung yêu

cầu tính lãi trên nợ gốc (số tiền là 93.000.000đồng), thời điểm tính lãi từ ngày 27/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2025, mức lãi suất là 10%/01 năm, tương ứng số tiền lãi bà Ả yêu cầu trả là 12.503.000đồng.

Tổng số tiền bà Ả khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 (đã chết) phải trả cho bà số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2025) là 105.503.000 đồng.

Tại bản tự tường trình ngày 29/12/2024 của bà Bùi Thị H và Biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2025 của Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị H trình bày:

Do anh Hà Huy H2 con trai của bà H và ông Hà Đình H1 cần tiền để mua xe ô tô lấy phương tiện làm ăn, ngày 14/10/2022, tại Văn phòng C, bà H và ông Hà Đình H1 có lập hợp đồng vay tiền với bà Ả, nội dung bà Ả cho ông H1, bà H vay số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn), để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bà H đưa cho bà Ả cầm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông H1. Toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng bà H và ông H1 vay của bà Ả, bà Ả giao cho anh Hà Huy H2 (con trai của bà H, ông H1) nhận, bà và ông H1 không được quản lý, sử dụng đồng tiền nào. Quan điểm của bà H về việc giải quyết vụ án, bà cho rằng ai là người nhận tiền thì người đó phải có trách nhiệm trả tiền cho bà Ả, nên anh H2 là người phải trả nợ cho bà Ả. Do tuổi già, đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn - chị Hà Thị Tố U trình bày: Chị là con gái ruột của bà Bùi Thị H và ông Hà Đình H1 (ông H1 đã chết ngày 20 tháng 12 năm 2022), chị không biết gì về việc bà Bùi Thị H và ông Hà Đình H1 vay tiền của bà Ả, sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì chị mới biết. Đối với khoản tiền bà H, ông H1 vay của bà Ả bố mẹ chị không được chi tiêu, sử dụng đồng nào mà vay tiền hộ cho anh Hà Huy H2 có vốn mua xe ô tô phục vụ việc làm ăn. Nay bà Ả khởi kiện bà H, ông H1 ra Tòa để đòi tiền, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn - chị Hà Thị H3 trình bày: Chị không biết việc vay mượn giữa bố mẹ chị là bà H, ông H1 với bà Ả cho đến khi được Tòa án thông báo bố mẹ bị kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị không có ý kiến gì, chị đồng ý với ý kiến của bà H tại biên bản lấy lời khai của Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét, trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ chị là bà H, ông H1, có số seri AN 090262, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01930 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp cho ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H ngày 03/10/2008, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33-B-II, địa

chỉ thửa đất: Tổ E, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai); diện tích: 133,2m^2. Hình thức sử dụng riêng.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn - anh Hà Huy H2 trình bày:

Anh thừa nhận ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H (là bố mẹ đẻ của anh) đã vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu Ả, số tiền là 200.000.000 đồng, việc vay tiền được lập thành văn bản, dưới hình thức là hợp đồng vay tiền, có công chứng tại Văn phòng C, ông bà H, H1 đã trả được tiền gốc vay là 107.000.000đồng và lãi là 35.000.000đồng (anh là người trả tiền), đến nay còn nợ tiền gốc và lãi như bà Ả yêu cầu. Khoản tiền nêu trên ông bà H, H1 đứng ra vay hộ cho anh, để anh mua xe ô tô lấy phương tiện làm ăn. Bố mẹ anh là người ký tên trên hợp đồng vay, nhưng anh mới là người nhận tiền và sử dụng toàn bộ số tiền nêu trên, ông H1 và bà H không được sử dụng đồng nào. Do anh đang làm ăn gặp nhiều khó khăn, không có tiền để trả cho bà Ả, dẫn đến việc bà Ả khởi kiện bà H, ông H1 ra Tòa án để đòi tiền.

Hiện nay bố anh là ông Hà Đình H1 đã chết, mẹ anh thì già yếu không có thu nhập, không có khả năng trả nợ. Gia đình anh có 03 chị gái là Hà Thị Tố U (chị cả); chị Hà Thị H3 và Hà Thị Thu H4 đều được Toà án thông báo về khoản vay do bố anh để lại, nhưng các chị em trong nhà đều gặp nhiều khó khăn, không ai có đủ khả năng tài chính để trả nợ. Do vậy, anh đề nghị bà Ả cho bà H và anh thêm thời gian để thu xếp trả nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, xác định chị Hà Thị Thu H4 (là con gái ruột của bà H, ông H1) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông Hà Đình H1 đã chết) và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo về việc mở lại phiên tòa. Qua xác minh tại Bưu điện, chị H4 đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, chị H4 vẫn cố ý vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, không có quan điểm, ý kiến của chị H4 đối với việc giải quyết nội dung vụ án lưu trong hồ sơ.

Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án: Biên bản xác minh ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái tại Trụ sở Công an phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã xác định được: Chị Hà Thị H3, sinh năm 1974 và chị Hà Thị Thu H4, sinh năm 1977 có đăng ký thường trú tại tổ B, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai) nhưng tại thời điểm xác minh không có mặt tại địa chỉ nêu trên.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lào Cai) đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng hòa giải không thành giữa các đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, các thành viên Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, 468, 463, 466, 613, 614, 615, 649 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu Ả:

Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Ả số tiền gốc và lãi là 52.751.000 đồng; buộc bà Bùi Thị H, chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 và anh Hà Huy H2 phải liên đới trả cho bà Ả số tiền gốc và lãi là 52.751.000 đồng. Bà Ả phải trả lại cho bà Bùi Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Ả không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà Bùi Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 và anh Hà Huy H2, mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 527.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp khi thụ lý là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng ông Hà Đình H1 đã chết vào ngày 20/12/2022, HĐXX bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"; bị đơn là bà Bùi Thị H có hộ khẩu thường trú tại tổ B phường

Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

Bà Bùi Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông H1 đã chết) gồm chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Bà H, chị U và chị H3 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị H4 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu Ả bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H1 (đã chết) phải trả tiền lãi trên nợ gốc (93 triệu đồng), thời điểm tính lãi từ ngày 27/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2025), mức lãi suất 10%/01 năm. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS, nên được HĐXX xem xét.

[2] Về nội dung vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các đương sự thừa nhận phát sinh quan hệ vay mượn tiền, nhưng bên vay không trả được nợ theo thời hạn đã thỏa thuận.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy ông Hà Đình H1 đã chết ngày 20/12/ 2022; cha mẹ đẻ của ông H1 cũng đã chết; ông H1 không có cha mẹ nuôi; ông H1 có vợ là bà Bùi Thị H và có 04 người con chung với bà H là chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4, anh Hà Huy H2. Ngoài ra ông H1 không có con đẻ hay con nuôi nào khác. Ông H1 và bà H có tài sản chung là Quyền sử dụng đất số seri AN090262, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H 01930 do UBND thành phố Y cấp ngày 03-10-2008, diện tích 133,2m^2, thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33 - B - II tại tổ E phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là tổ dân phố B, phường V, tỉnh Lào Cai) đứng tên ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H. Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 01 tầng, mái đổ bê tông, tường xây chịu lực; ông Hà Đình H1 chết không để lại di chúc. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 gồm bị đơn bà Bùi Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H1 (đã chết) bao gồm: chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4, anh Hà Huy H2.

Ông Hà Đình H1 chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông H1 chưa phân chia. Theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự quy định: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình thì: "*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản, trong đó có nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập*…". Tại thời điểm xét xử, những người thừa kế của ông H1 không có thoả thuận khác, hợp đồng vay tiền với bà Ả do cả hai vợ chồng ông H1, bà H cùng xác lập. Vì vậy, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ả ½ giá trị của khoản vay; phần nghĩa vụ tài sản của ông H1 để lại thì hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 gồm bà Bùi Thị H, chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4, anh Hà Huy H2 phải có nghĩa vụ thực hiện trong phạm vi di sản do ông H1 để lại. Trường hợp nghĩa vụ để lại lớn hơn phần di sản để lại thì bà H, chị U, chị H3, chị H4, anh H2 chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông H1 để lại. Việc bà H có ý kiến cho rằng, anh Hà Huy H2 phải trả toàn bộ nợ cho bà Ả là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nghĩa vụ trả tiền của bên vay được xác định như sau, tổng số tiền bà H và ông H1 vay của bà Ả là 200.000.000 đồng, tính đến ngày 26/3/2024 ông H1, bà H đã trả được 107.000.000 đồng tiền gốc và 35 triệu tiền lãi, còn tiếp tục phải trả gốc là 93.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/3/2024 đến ngày 31/7/2025 là 12.503.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 105.503.000 đồng; bà Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ảnh ½ giá trị khoản vay, tương ứng số tiền là 52.751.000 đồng; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 gồm bà H, chị U, chị H3, chị H4, anh H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả nốt 1/2 số tiền gốc và lãi còn nợ cho bà Ả, tương ứng với số tiền là 52.751.000 đồng.

[2.2] Về ý kiến của chị Hà Thị H3, anh Hà Huy H2 đề nghị Tòa án buộc bà Ả trả lại cho bà H 01 Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Ả không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là: 52.751.000 đồng x 5% = 2.637.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 52.751.000 đồng mà bà H, chị U, chị H3, chị H4, anh H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ả là: (52.751.000 đồng x 5%) : 5 = 527.000 đồng. Do bà H là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án tiền phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H.

- Chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4, anh Hà Huy H2 mỗi người phải chịu 527.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468; Điều 613; Điều 614; Điều 615; Điều 649; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu Ả.

- Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ả số tiền nợ gốc và lãi là 52.751.000 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị H, chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 và anh Hà Huy H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ả số tiền gốc và lãi là 52.751.000 đồng, trong phạm vi di sản của ông Hà Đình H1 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ả phải trả cho bà Bùi Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà Đình H1 và bà Bùi Thị H do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 03/10/2008 (bản chính).

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu Ả không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai số: AA/2024/0001141 ngày 25-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- tỉnh Lào Cai).

- Bà Bùi Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 và anh Hà Huy H2 mỗi người phải chịu 527.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Thu Ả, anh Hà Huy H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bà Bùi Thị H, chị Hà Thị Tố U, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị Thu H4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1-Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy